



Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 2700283389

ngày 5 tháng 1 năm 2016

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2700283389 ngày 5 tháng 1 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Bình cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Tống Đức Chính	Chủ tịch
Ông Trịnh Văn Đoàn	Thành viên
Ông Nguyễn Trọng Hiền	Thành viên
Ông Võ Phùng Thuận	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hải Yến	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Lương Thị Thúy	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Huyền	Thành viên
Ông Phạm Hoàng Giang	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trịnh Văn Đoàn	Tổng Giám đốc
Ông Đường Xuân Hồng	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Số 1, Đường Hoàng Diệu, Phường Thanh Bình
Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 31 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc

Trình Văn Đoàn
Tổng Giám đốc

Ninh Bình, 11-08-2017



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 11-08-2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 31.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi không đưa ra kết luận ngoại trừ nhưng lưu ý đến Thuyết minh 3(f) trong báo cáo tài chính giữa niên độ, trong đó đề cập đến việc Công ty trích trước và ghi nhận chi phí phát sinh cho các hạng mục sửa chữa tài sản cố định theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CĐKT ngày 3 tháng 9 năm 2015 (“Chế độ Kế toán EVN”). Theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN, chi phí sửa chữa tài sản cố định được trích trước vào Giá vốn hàng bán trong kỳ và Chi phí phải trả ngắn hạn dựa trên kế hoạch sửa chữa hàng năm được Hội đồng Quản trị của Công ty phê duyệt và được điều chỉnh vào cuối năm dựa trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh. Chi phí cho các hạng mục sửa chữa đã phát sinh nhưng chưa quyết toán được ghi nhận trên tài khoản “Xây dựng cơ bản dở dang” trên bảng cân đối kế toán. Khi quyết toán các hạng mục này, giá trị quyết toán sẽ được hạch toán bù trừ giữa hai khoản mục Xây dựng cơ bản dở dang và Chi phí phải trả ngắn hạn. Hướng dẫn nêu trên của Chế độ Kế toán EVN có sự khác biệt so với quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 – “Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng” (“VAS 18”) mà theo đó một khoản dự phòng chỉ được ghi nhận khi một số điều kiện được thỏa mãn trong đó có điều kiện doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra. Đối với trường hợp ghi nhận trước chi phí sửa chữa tài sản cố định, điều kiện này không được thỏa mãn. Ảnh hưởng của việc áp dụng chính sách kế toán này đến báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 được trình bày tại Thuyết minh 3(f) của báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 17-02-160



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0306-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, 11-08-2017

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		328.243.257.645	326.378.675.425
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	7	136.082.563.487	129.495.158.085
Tiền	111		83.355.104.647	59.495.158.085
Các khoản tương đương tiền	112		52.727.458.840	70.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		132.427.349.187	133.800.962.034
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	114.039.190.881	120.918.781.586
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		6.134.885.700	217.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	12.253.272.606	12.881.963.448
Hàng tồn kho	140	10	57.849.495.609	62.913.676.017
Hàng tồn kho	141		57.887.447.742	62.951.628.150
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(37.952.133)	(37.952.133)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.883.849.362	168.879.289
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14(a)	1.883.849.362	168.879.289
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		43.964.639.534	50.542.575.284
Tài sản cố định	220		15.937.843.783	18.329.060.564
Tài sản cố định hữu hình	221	11	15.937.843.783	18.329.060.564
Nguyên giá	222		446.864.548.540	446.864.548.540
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(430.926.704.757)	(428.535.487.976)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.889.694.711	596.806.282
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	1.889.694.711	596.806.282
Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.500.000.000	2.500.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	13	2.500.000.000	2.500.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		23.637.101.040	29.116.708.438
Chi phí trả trước dài hạn	261	14(b)	23.637.101.040	29.116.708.438
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		372.207.897.179	376.921.250.709

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		131.212.592.310	115.082.209.274
Nợ ngắn hạn	310		131.212.592.310	115.082.209.274
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	92.946.706.841	56.887.549.955
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	2.648.241.962	9.940.471.471
Phải trả người lao động	314		6.371.142.922	28.673.934.718
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	18.141.726.870	590.655.049
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	4.994.385.795	11.221.322.856
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	19	6.110.387.920	7.768.275.225
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		240.995.304.869	261.839.041.435
Vốn chủ sở hữu	410	20	240.995.304.869	261.839.041.435
Vốn cổ phần	411	21	128.655.000.000	128.655.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		128.655.000.000	128.655.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		26.856.736.012	26.856.736.012
Quỹ đầu tư phát triển	418	22	65.112.625.711	60.784.125.711
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		20.370.943.146	45.543.179.712
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		15.143.164.712	23.900.672.848
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.227.778.434	21.642.506.864
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		372.207.897.179	376.921.250.709

11-08-2017

Người lập:



Phạm Thị Thanh Bình
 Người lập

Người duyệt:



Lương Thị Nguyệt
 Kế toán trưởng



Trịnh Văn Đoàn
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 02a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	319.965.072.265	352.819.068.549
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	26	296.272.998.963	311.633.051.924
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		23.692.073.302	41.186.016.625
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	1.165.648.273	453.044.499
Chi phí bán hàng	25		27.836.362	131.443.890
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	18.059.185.111	20.914.526.409
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 - 25 - 26}	30		6.770.700.102	20.593.090.825
Thu nhập khác	31		302.236.064	1.211.766.266
Chi phí khác	32		233.903.445	951.129.915
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		68.332.619	260.636.351
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		6.839.032.721	20.853.727.176
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	1.611.254.287	4.238.107.753
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		5.227.778.434	16.615.619.423
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	406	1.291

11-08-2017

Người lập:



Phạm Thị Thanh Bình
 Người lập

Người duyệt:



Lương Thị Nguyệt
 Kế toán trưởng



Trịnh Văn Đoàn
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		6.839.032.721	20.853.727.176
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		2.391.216.781	3.225.276.949
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(1.165.648.273)	(453.044.499)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		8.064.601.229	23.625.959.626
Biến động các khoản phải thu	09		1.386.083.621	(7.986.846.312)
Biến động hàng tồn kho	10		4.598.100.741	(1.833.593.833)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		16.975.528.887	88.437.302.423
Biến động chi phí trả trước	12		3.764.637.325	331.848.438
			34.788.951.803	102.574.670.342
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.205.559.534)	(13.359.207.971)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	40.250.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(8.431.152.305)	(2.161.399.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		25.152.239.964	87.094.312.971
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(826.808.762)	(28.670.238.721)
Tiền thu hồi cho vay	24		-	10.000.000.000
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi	27		1.153.177.499	453.044.499
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		326.368.737	(18.217.194.222)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền trả cổ tức	36		(18.891.203.299)	(70.512.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(18.891.203.299)	(70.512.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		6.587.405.402	68.806.606.749
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		129.495.158.085	71.621.145.739
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	7	136.082.563.487	140.427.752.488

11-08-2017

Người lập:



Phạm Thị Thanh Bình
 Người lập

Người duyệt:




Lương Thị Nguyệt
 Kế toán trưởng

Trịnh Văn Đoàn
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất điện;
- Sản xuất sản phẩm hóa chất khác bao gồm: sản xuất đất đèn, vật liệu xây dựng, phụ gia xi măng;
- Sửa chữa thiết bị điện. Chi tiết: Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, nhiệt, cơ, công trình kiến trúc nhà máy điện;
- Lắp đặt hệ thống điện. Chi tiết: Đường dây và trạm biến áp;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Hoạt động dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội). Chi tiết: Đầu tư tài chính xây dựng các dự án nguồn điện;
- Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực về quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị nhà máy điện; và
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác. Chi tiết: Lập dự án đầu tư, xây dựng, quản lý các dự án xây dựng, tư vấn giám sát thi công lắp đặt công trình.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có 518 nhân viên (1/1/2017: 574 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(b) Các khoản đầu tư

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm, giá gốc bao gồm nhiên liệu và vật tư, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 10 – 35 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 6 – 10 năm |
| ▪ phương tiện vận tải, truyền dẫn | 5 – 8 năm |
| ▪ thiết bị quản lý | 3 – 5 năm |

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh giá trị tài sản cố định đang xây dựng hoặc lắp đặt hoặc các hạng mục sửa chữa tài sản cố định của Công ty chưa được hoàn thành. Khi hoàn thành, giá trị của các hạng mục này sẽ được (i) chuyển sang tài sản cố định nếu đủ điều kiện để ghi tăng nguyên giá tài sản cố định tương ứng; (ii) chuyển sang chi phí trả trước để phân bổ dần nếu hạng mục sửa chữa có giá trị lớn và không đủ điều kiện để ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; hoặc (iii) ghi nhận là chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ nếu hạng mục có tính chất sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ theo yêu cầu kỹ thuật. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CĐKT ngày 3 tháng 9 năm 2015 (“Chế độ Kế toán EVN”), chi phí sửa chữa tài sản cố định được trích trước vào Giá vốn hàng bán trong kỳ và Chi phí phải trả ngắn hạn dựa trên kế hoạch sửa chữa hàng năm được Hội đồng Quản trị phê duyệt và được điều chỉnh vào cuối năm dựa trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh. Chi phí cho các công trình sửa chữa đã phát sinh nhưng chưa quyết toán được ghi nhận trên khoản mục Xây dựng cơ bản dở dang trên bảng cân đối kế toán. Khi quyết toán các hạng mục này, giá trị quyết toán sẽ được hạch toán bù trừ giữa hai khoản mục Xây dựng cơ bản dở dang và Chi phí phải trả ngắn hạn. Hướng dẫn nêu trên của Chế độ Kế toán EVN có sự khác biệt so với quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18, *Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng* (“VAS 18”) mà theo đó một khoản dự phòng chỉ được ghi nhận khi một số điều kiện được thỏa mãn trong đó gồm điều kiện doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra. Đối với trường hợp sửa chữa lớn tài sản cố định, điều kiện này không được thỏa mãn.

Nếu Công ty áp dụng ghi nhận chi phí phát sinh và số dư của các công trình sửa chữa lớn theo VAS 18 thì giá vốn hàng bán và lợi nhuận trước thuế của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 sẽ lần lượt giảm và tăng cùng một khoản là 17.871.495.001 VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016: 26.882.125.000 VND), thuế phải trả Nhà nước và chi phí thuế TNDN hiện hành tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 sẽ cùng tăng 3.574.299.000 VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016: 5.376.425.000 VND), tài khoản “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 sẽ tăng 14.297.196.001 VND (1/1/2017: Không), tài khoản “Chi phí phải trả ngắn hạn” trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 sẽ giảm 17.871.495.001 VND (1/1/2017: Không).

(g) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa lớn bao gồm các khoản chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ có giá trị lớn và không đủ điều kiện để ghi tăng nguyên giá tài sản cố định (Thuyết minh 3(f)). Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian 3 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 2 năm.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(h) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(i) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(j) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(l) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(m) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(n) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng nên việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(o) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất và kinh doanh điện năng, và một khu vực địa lý là Việt Nam.

(p) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ và công ty mẹ cấp cao nhất.

4. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Công ty không có các thay đổi trọng yếu trong ước tính kế toán so với các ước tính kế toán đã thực hiện trong năm gần nhất.

5. Các khoản mục bất thường

Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

6. Các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị

Không có thay đổi trong cơ cấu của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.



Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tiền mặt	866.086.339	576.292.500
Tiền gửi ngân hàng	82.489.018.308	58.918.865.585
Các khoản tương đương tiền	52.727.458.840	70.000.000.000
	136.082.563.487	129.495.158.085
	136.082.563.487	129.495.158.085

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Công ty Mua bán điện	112.441.030.413	116.673.097.257
Các khách hàng khác	1.598.160.468	4.245.684.329
	114.039.190.881	120.918.781.586
	114.039.190.881	120.918.781.586

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Công ty con của công ty mẹ cấp cao nhất		
Công ty Mua bán điện	112.441.030.413	116.673.097.257
Các đơn vị phụ thuộc của công ty mẹ		
Công ty Dịch vụ Sửa chữa các nhà máy điện	635.669.268	2.647.932.329
	635.669.268	2.647.932.329
	635.669.268	2.647.932.329

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và thu được trong 15 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Phải thu ngắn hạn khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện Thái Bình	10.745.869.074	10.745.869.074
Tạm ứng nhân viên	1.027.500.000	217.500.000
Lãi tiền gửi	166.915.209	154.444.435
Thuế thu nhập cá nhân phải thu từ nhân viên	144.701.288	271.535.019
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	1.338.131.804
Khác	168.287.035	154.483.116
	12.253.272.606	12.881.963.448
	12.253.272.606	12.881.963.448

(b) Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện Thái Bình		
– Đơn vị phụ thuộc của công ty mẹ	10.745.869.074	10.745.869.074
	10.745.869.074	10.745.869.074
	10.745.869.074	10.745.869.074

Khoản phải thu từ Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện Thái Bình (“Ban Quản lý”) không có đảm bảo, không hưởng lãi và thu được sau khi Ban Quản lý hoàn thành việc quyết toán Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Hàng tồn kho

	30/6/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nhiên liệu và vật tư	56.450.935.960	(37.952.133)	61.894.801.550	(37.952.133)
Công cụ và dụng cụ	526.697.810	-	486.103.990	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	278.796.921	-	88.592.772	-
Thành phẩm	631.017.051	-	464.786.626	-
Hàng hóa	-	-	17.343.212	-
	57.887.447.742	(37.952.133)	62.951.628.150	(37.952.133)

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 có 380 triệu VND nhiên liệu và vật tư (1/1/2017: 380 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	84.761.035.895	330.956.955.662	24.714.716.920	6.431.840.063	446.864.548.540
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	79.891.930.694	326.434.604.393	19.007.012.220	3.201.940.669	428.535.487.976
Khấu hao trong kỳ	495.827.795	920.434.166	416.531.856	558.422.964	2.391.216.781
Số dư cuối kỳ	80.387.758.489	327.355.038.559	19.423.544.076	3.760.363.633	430.926.704.757
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	4.869.105.201	4.522.351.269	5.707.704.700	3.229.899.394	18.329.060.564
Số dư cuối kỳ	4.373.277.406	3.601.917.103	5.291.172.844	2.671.476.430	15.937.843.783

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 401.773 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 385.470 triệu VND).

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	596.806.282	6.211.823.239
Tăng trong kỳ	826.808.762	38.075.165.085
Chuyển sang từ hàng tồn kho	466.079.667	-
Chuyển từ công cụ dụng cụ	-	4.391.574.127
Số dư cuối kỳ	1.889.694.711	48.678.562.451

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tư vấn lập báo cáo đánh giá khảo sát hiện trạng SXKD Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình	493.220.827	493.220.827
Thẩm tra đề án cải tạo nâng cấp thiết bị để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh	1.396.473.884	103.585.455
	1.889.694.711	596.806.282

13. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	30/6/2017 và 1/1/2017		Giá gốc VND	Dự phòng VND
			% quyền biểu quyết			
Đầu tư góp vốn vào:						
• Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc	250.000	5%	5%	2.500.000.000		-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Trả trước phí bảo hiểm	75.920.430	10.231.295
Công cụ dụng cụ	191.356.432	158.647.994
Trả trước tiền thuê đất	1.616.572.500	-
	1.883.849.362	168.879.289

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí	Khác	Tổng cộng
	sửa chữa lớn	VND	VND
	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ	26.549.191.250	2.567.517.188	29.116.708.438
Tăng trong kỳ	-	1.597.726.000	1.597.726.000
Phân bổ trong kỳ	(5.309.838.251)	(1.767.495.147)	(7.077.333.398)
	21.239.352.999	2.397.748.041	23.637.101.040

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/6/2017		1/1/2017	
	Giá gốc	Số có khả năng	Giá gốc	Số có khả năng
	VND	trả nợ	VND	trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Tổng Công ty Đông Bắc	89.903.325.206	89.903.325.206	32.365.568.327	32.365.568.327
Tập đoàn Công nghiệp				
Than – Khoáng sản				
Việt Nam	208.222.719	208.222.719	15.312.401.503	15.312.401.503
Các nhà cung cấp khác	2.835.158.916	2.835.158.916	9.209.580.125	9.209.580.125
	92.946.706.841	92.946.706.841	56.887.549.955	56.887.549.955

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số tăng trong kỳ VND	Số đã nộp/bù trừ trong kỳ VND	30/6/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	7.805.356.297	25.391.003.874	(32.363.372.496)	832.987.675
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.205.559.534	1.611.254.287	(1.205.559.534)	1.611.254.287
Thuế thu nhập cá nhân	9.860.900	819.322.035	(829.182.935)	-
Thuế tài nguyên	367.774.740	888.000.000	(1.051.774.740)	204.000.000
Tiền thuê đất	551.920.000	3.313.261.000	(3.865.181.000)	-
Các loại thuế khác	-	6.979.065	(6.979.065)	-
	9.940.471.471	32.029.820.261	(39.322.049.770)	2.648.241.962

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Trích trước chi phí sửa chữa lớn (Thuyết minh 3(f))	17.871.495.001	-
Chi phí phải trả khác	270.231.869	590.655.049
	18.141.726.870	590.655.049

18. Phải trả ngắn hạn khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Phải trả về tiền văn phòng dự án cho Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty TNHH MTV	2.899.863.781	2.899.863.781
Cổ tức phải trả	1.495.667.501	1.088.620.800
Bảo hiểm xã hội	-	5.030.559.126
Bảo hiểm y tế	30.227.300	460.327.159
Bảo hiểm thất nghiệp	-	360.271.232
Quỹ ủng hộ người nghèo	220.360.800	230.360.800
Phải trả khác	348.266.413	1.151.319.958
	4.994.385.795	11.221.322.856

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả ngắn hạn khác từ các bên liên quan

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty TNHH MTV - Công ty mẹ		
Phải trả về tiền văn phòng dự án	2.899.863.781	2.899.863.781
Phải trả khác	159.517.573	159.517.573

Khoản phải trả Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty TNHH MTV không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

19. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	7.768.275.225	3.523.107.925
Trích lập trong kỳ	6.773.265.000	10.114.980.000
Tặng khác	-	40.250.000
Sử dụng trong kỳ	(8.431.152.305)	(2.161.399.400)
Số dư cuối kỳ	6.110.387.920	11.516.938.525

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	128.655.000.000	22.981.729.262	49.997.002.461	68.030.548.848	269.664.280.571
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	16.615.619.423	16.615.619.423
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	14.662.130.000	(14.662.130.000)	-
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(10.114.980.000)	(10.114.980.000)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	(19.298.250.000)	(19.298.250.000)
Kết chuyển quỹ (Thuyết minh 22)	-	1.406.325.000	(1.406.325.000)	-	-
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	128.655.000.000	24.388.054.262	63.252.807.461	40.570.808.271	256.866.669.994
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	128.655.000.000	26.856.736.012	60.784.125.711	45.543.179.712	261.839.041.435
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	5.227.778.434	5.227.778.434
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	4.328.500.000	(4.328.500.000)	-
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi (*)	-	-	-	(6.773.265.000)	(6.773.265.000)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	(19.298.250.000)	(19.298.250.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	128.655.000.000	26.856.736.012	65.112.625.711	20.370.943.146	240.995.304.869

(*) Số trích quỹ khen thưởng và phúc lợi bao gồm khoản hỗ trợ người lao động về hưu trước tuổi bằng tiền trị giá 3.269.475.000 VND đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty phê duyệt tại Nghị quyết số 113/NQ-NBTPC-DHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2017.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2017 và 1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	12.865.500	128.655.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	12.865.500	128.655.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	12.865.500	128.655.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

22. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Khi quỹ đầu tư phát triển được sử dụng để mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, phần được sử dụng được kết chuyển tăng vốn khác của Công ty.

23. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 24 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền cho năm 2016 trị giá 19.298.250.000 VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016: 19.298.250.000 VND).

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.616.573.000	1.616.573.000
Trong vòng hai đến năm năm	12.932.584.000	12.932.584.000
Sau năm năm	76.536.308.825	79.769.454.825
	91.085.465.825	94.318.611.825
	91.085.465.825	94.318.611.825

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	45.246.500.000	-
	45.246.500.000	-
	45.246.500.000	-

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Doanh thu bán điện	317.336.657.283	346.055.877.011
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	2.628.414.982	6.763.191.538
	319.965.072.265	352.819.068.549
	319.965.072.265	352.819.068.549

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Giá vốn bán điện	293.860.544.953	305.027.879.486
Giá vốn bán sản phẩm và cung cấp dịch vụ khác	2.412.454.010	6.605.172.438
	<hr/>	<hr/>
	296.272.998.963	311.633.051.924
	<hr/>	<hr/>

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.165.648.273	453.044.499
	<hr/>	<hr/>

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên	9.868.479.123	13.464.518.693
Chi phí nhiên liệu và vật tư	264.330.833	81.869.869
Chi phí công cụ dụng cụ	291.857.323	319.801.342
Chi phí khấu hao tài sản cố định	467.382.846	781.184.401
Chi phí thuế, phí và lệ phí	829.644.233	917.127.426
Chi phí dịch vụ mua ngoài	807.533.940	835.440.011
Chi phí khác	5.529.956.813	4.514.584.667
	<hr/>	<hr/>
	18.059.185.111	20.914.526.409
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí nhiên liệu và vật tư trong chi phí sản xuất	230.874.276.469	232.177.807.145
Chi phí nhân công	48.655.672.518	60.457.495.511
Chi phí khấu hao	2.391.216.781	3.225.276.949
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.466.045.575	2.282.601.074
Chi phí sửa chữa lớn	23.181.333.252	26.882.120.000
Chi phí khác	8.147.910.415	7.774.284.877

30. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	1.392.642.357	4.238.107.753
Dự phòng thiếu trong những năm trước	218.611.930	-
	1.611.254.287	4.238.107.753

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	6.839.032.721	20.853.727.176
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	1.367.806.544	4.170.745.435
Chi phí không được khấu trừ thuế	24.835.813	67.362.318
Dự phòng thiếu trong những năm trước	218.611.930	-
	1.611.254.287	4.238.107.753

(c) Thuế suất áp dụng

Theo Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế (năm 2016: 20%).

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND) (*)	5.227.778.434	16.615.619.423
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền (cổ phiếu)	12.865.500	12.865.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	406	1.291

(*) Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017. Việc trích quỹ khen thưởng và phúc lợi có thể làm lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu giảm đi.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Công ty mẹ		
<i>Tổng Công ty Phát điện 3 –</i>		
<i>Công ty TNHH Một thành viên</i>		
Chia cổ tức	10.568.160.000	10.568.160.000
Các công ty liên quan		
<i>Công ty Mua bán điện</i>		
Doanh thu bán điện	317.336.657.283	346.055.877.011
<i>Công ty Dịch vụ Sửa chữa các nhà máy điện</i>		
Doanh thu dịch vụ	1.053.255.633	3.048.051.958
<i>Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân</i>		
Doanh thu dịch vụ	-	152.615.273
Thành viên Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và		
Hội đồng Quản trị		
Tiền lương và thưởng	529.521.800	531.600.000

11-08-2017

Người lập:



Phạm Thị Thanh Bình
 Người lập

Người duyệt:





Lương Thị Nguyệt
 Kế toán trưởng

Trịnh Văn Đoàn
 Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
Báo cáo chi phí sản xuất và kinh doanh điện theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Nhiên liệu	223.123.001.624	225.001.223.848
Vật liệu	5.483.437.712	5.001.984.465
Lương và bảo hiểm xã hội	42.480.863.677	53.462.571.910
<i>Lương công nhân viên</i>	36.688.348.000	49.830.144.000
<i>Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế,</i>		
<i>bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn</i>	5.792.515.677	3.632.427.910
Khấu hao tài sản cố định	2.017.618.609	2.432.212.333
Các khoản dịch vụ mua ngoài	1.188.031.085	1.806.077.755
<i>Điện dùng nội bộ</i>	86.745.277	40.253.874
<i>Điện mua của Tập đoàn</i>	-	-
<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài khác</i>	1.101.285.808	1.765.823.881
Chi phí sửa chữa lớn	23.181.333.252	26.882.120.000
<i>Sửa chữa lớn thuê ngoài</i>	7.309.838.251	8.500.000.000
<i>Sửa chữa lớn tự làm</i>	15.871.495.001	18.382.120.000
Chi phí bằng tiền khác	14.445.444.105	11.356.215.584
<i>Thuế tài nguyên</i>	888.000.000	900.000.000
<i>Thuế đất</i>	1.656.349.916	824.296.000
<i>Ăn ca</i>	2.154.000.000	2.400.002.000
<i>Trợ cấp mất việc làm</i>	1.815.950.000	490.736.000
<i>Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</i>	-	-
<i>Chi phí bằng tiền khác</i>	7.931.144.189	6.741.181.584

